TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/DS-ST
Ngày 26-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Nguyễn Thị Hạnh

2-Ông Bá Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đa Văn Thắng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh M, sinh năm 1982;

Bị đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1966 và ông Lê Văn P, sinh năm 1965;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, Bình Thuận.

** Ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn-Ông Đỗ Thanh M trình bày: Vợ chồng Ông đưa có cho vợ chồng bà G vay tiền 02 lần, cụ thể là: Vào ngày 24/8/2017 đưa số tiền 150.000.000 đồng và ngày 31/8/2017 đưa số tiền 200.000.000 đồng. Bà G có viết tay giấy vay mượn tiền, lãi xuất 2%/tháng, trả lãi theo hàng tháng. Sau khi vay, vợ chồng bà G trả lãi như thỏa thuận và tiền gốc 110.000.000đồng. Đến tháng 10/2021, vợ chồng bà G ngưng trả tiền lãi cho vợ chồng Ông. Vợ chồng Ông nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà G trả nhưng vợ chồng bà G không trả. Do đó, Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lê Thị G và ông Lê Văn P phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng

tôi số tiền tổng cộng 284.186.400 đồng (Gồm 240.000.000đồng tiền gốc đã vay và 44.186.400 tiền lãi tính từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2023 với lãi suất 1.083%/tháng). Tại phiên tòa, ông M thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu vợ chồng bà G trả tiền gốc còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn-Bà Lê Thị G trình bày: Bà thừa nhận là có vay tiền của ông M 350.000.000đồng, sau đó trả dần còn 240.000.000đồng. Nay, ông M yêu cầu vợ chồng Bà trả số tiền gốc còn nợ 240.000.000đồng, Bà có ý kiến như sau: Đây là khoản nợ riêng của cá nhân Bà, không liên quan đến chồng Bà ông Lê Văn P. Khi Bà vay tiền ông P không biết và Bà cũng không nói cho ông P biết. Vì vậy Bà đồng ý chỉ một mình Bà trả nợ cho vợ chồng ông M.

Mục đích Bà vay tiền ông M để mua bán thanh long. Bà làm nghề mua bán thanh long từ khoảng 12 đến 13 năm nay. Việc Bà làm nghề mua bán thanh long ông P có biết, nhưng về tiền bạc thì ông P không quan tâm. Bà vay mượn tiền như thế nào thì chồng Bà cũng không biết, Bà cũng không cho chồng Bà biết.

Nếu Mua bán thanh long có lãi, Bà cũng dùng số tiền để trả nợ cho ngân hàng và cho các chủ nợ khác, vì trước khi làm nghề mua bán thanh long Bà có làm nghề mua bán lúa và có vay ngân hàng và các chủ nợ khác để làm vốn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn P trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà G. Đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà G, không liên quan đến Ông. Khi vay tiền bà G không cho Ông biết và Ông cũng không quan tâm. Vì vậy Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh M là yêu cầu cả hai vợ chồng Ông trả nợ. Ông P cho rằng Ông có biết bà G làm nghề mua bán thanh long, nhưng bà G tự làm, vợ chồng không bàn bạc và Ông cũng không phản đối gì liên quan đến công việc làm ăn của bà G.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Đỗ Thanh M.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Buộc vợ chồng vợ chồng bà Lê Thị G, ông Lê Văn P phải liên đới trả cho ông Đỗ Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ gốc đã vay là 240.000.000 đồng.
- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về Thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh M yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị G, ông Lê Văn P trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về thẩm quyền:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Bình Thuận, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt bị đơn ông Lê Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T:*

Ông P và bà T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà T là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vợ chồng ông M có cho vợ chồng bà G, ông P vay tiền 02 lần, cụ thể là: Vào ngày 24/8/2017 đưa số tiền 150.000.000 đồng và ngày 31/8/2017 đưa số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi vay, vợ chồng bà G trả lãi như thỏa thuận và tiền gốc 110.000.000đồng, còn lại 240.000.000đồng.

Bà Lê Thị G thống nhất với ý kiến của ông Đỗ Thanh M và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông M.

Xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Lê Thị G thừa nhận còn nợ vợ chồng ông M 240.000.000đồng. Ý kiến của bà G là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với lời khai nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Bà Lê Thị G thừa nhận Bà vay tiền vợ chồng ông M là để trả nợ ngân hàng và mu thu mua thanh long là để phục vụ cho hoạt động kinh tế gia đình. Việc Bà có nghề chính là thu mua thanh long đẻ làm kinh tế chính trong gia đình ông P cũng biết và không phản đối. Hiện nay, bà G và ông P vẫn đang là vợ chồng hợp pháp. Do đó, đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà G, ông P trong thời kỳ hôn nhân.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải buộc vợ chồng bà G, ông P phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông M số tiền vay còn nợ 240.000.000 đồng và phải chịu trách nhiệm bằng tài sản do vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, như ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng bà Lê Thị G, ông Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh M: Buộc vợ chồng bà Lê Thị G, ông Lê Văn P phải trả cho vợ chồng ông Đỗ Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay còn nợ 240.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Buộc vợ chồng vợ chồng bà Lê Thị G, ông Lê Văn P phải chịu 12.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Đỗ Thanh M 7.683.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai thu số 0002977 ngày 09/6/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2023). Bị đơn ông Lê Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thanh Trúc Tuyền